

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/05/2024.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Ngọc

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 24 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1035/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 05 năm 2024.

- Nguyên đơn: Bà **Mai Thị Như H**, sinh năm 1995

HKTT: **Thôn N, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên**

Địa chỉ tạm trú: **Hẻm B, tổ B, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng**

Nai

- Bị đơn: Ông **Lưu Văn L**, sinh năm 1991

HKTT: **Thôn N, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên**

Địa chỉ tạm trú: **Hẻm B, tổ B, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng**

Nai

(Bà **H**, ông **L** có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2023 và bản tự khai tại hồ sơ bà **Mai Thị Như H** trình bày:**

Tôi với ông **Lưu Văn L** tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và đã được **UBND xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 25/4/2015. Sau khi kết hôn cuộc sống hạnh phúc được tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu tính

nhau, về lối sống, quan điểm sống không phù hợp, hai vợ chồng cố gắng hòa giải nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi xin Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông **Lưu Văn L**.

- **Về con chung**: Có 01 con chung là **Lưu Quốc T**, sinh ngày 15/01/2021. Ly hôn tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Lưu Quốc T**. Tạm thời tôi không yêu cầu ông **Lưu Văn L** phải cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung**: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về nợ chung**: Tôi cam kết vợ chồng tôi không có nợ chung.

- **Về án phí**: Tôi xin tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

***Tại bản tự khai 03/5/2024 ông **Lưu Văn L** trình bày:**

Quá trình đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung bà **Mai Thị Như H** đã trình bày là đúng.

Tôi và bà **Mai Thị Như H** tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và đã được **UBND xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 25/4/2015. Sau khi kết hôn sống hạnh phúc đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu tính nhau, về lối sống, quan điểm sống không phù hợp, hai vợ chồng cố gắng hòa giải nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng cố gắng hòa giải nhưng không thành. Nay bà **Mai Thị Như H** yêu cầu ly hôn, tôi đồng ý ly hôn.

Vợ chồng chúng tôi không hàn gắn được mâu thuẫn với nhau nên tôi đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải thêm nữa mà giải quyết ly hôn cho chúng tôi luôn.

- **Về con chung**: Có 01 con chung là **Lưu Quốc T**, sinh ngày 15/01/2021. Ly hôn tôi xin giao con cho bà **Mai Thị Như H** được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung**: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về Nợ chung**: Tôi cam kết vợ chồng tôi không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà **Mai Thị Như H** và ông **Lưu Văn L** kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay bà **Mai Thị Như H** có đơn xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét bà **Mai Thị Như H** và ông **Lưu Văn L** là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về Nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Mai Thị Như H** và ông **Lưu Văn L** sau khi kết hôn, chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà **Mai Thị Như H** xin ly hôn và ông **Lưu Văn L** cũng đồng ý ly hôn để giải thoát cho nhau, vì vậy có căn cứ chấp nhận đơn xin ly hôn của bà **Mai Thị Như H**.

[2] Về con chung: Có 01 con là **Lưu Quốc T**, sinh ngày 15/01/2021. Ly hôn bà **Mai Thị Như H** xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu ông **Lưu Văn L** phải cấp dưỡng nuôi con. Ông **Lưu Văn L** cũng đồng ý giao con cho bà **Mai Thị Như H** được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, ông **Lưu Văn L** không phải cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung là cháu **Lưu Quốc T**, sinh ngày 15/01/2021 cho bà **Mai Thị Như H** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông **Lưu Văn L** tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì không trực tiếp nuôi con nên ông **Lưu Văn L** được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà **Mai Thị Như H** và ông **Lưu Văn L** khai tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Bà **Mai Thị Như H** và ông **Lưu Văn L** khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà **Mai Thị Như H** phải chịu tiền tạm ứng án phí dân sự về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Mai Thị Như H**. Bà **Mai Thị Như H** được ly hôn với ông **Lưu Văn L**.

- **Về con chung:** Giao con chung là **Lưu Quốc T**, sinh ngày 15/01/2021 cho bà **Mai Thị Như H** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông **Lưu Văn L** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông **Lưu Văn L** được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Bà **Mai Thị Như H** và ông **Lưu Văn L** khai tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- **Về nợ chung:** Bà **Mai Thị Như H** và ông **Lưu Văn L** không có nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Mai Thị Như H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Mai Thị Như H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003405 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Đồng Nai;
-VKSND TP Biên Hòa;
-VKSND tỉnh Đồng Nai;
-Các đương sự;
-Thi hành án;
-Lưu hồ sơ, Vp;
- UBND xã Minh Hoàng,
huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng
Yên (GCN kết hôn số 16
ngày 25/4/2015)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Hồng Ngọc